TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/DS-PT
Ngày 05 - 01 - 2018
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoàng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhi, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thu, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2018, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự lý số 74/2017/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hụi.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2017/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 96/2017/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Kim C, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Số 4, khóm 1, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đồng bị đơn*: Bà Trần Thị T, sinh năm 1951 (có mặt).

Ông Lâm Thanh B, sinh năm 1951 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 9, khóm 1, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Trần Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Kim C trình bày: Vào ngày 28 tháng 12 năm 2010 (âm lịch) bà có cho vợ chồng bà Trần Thị T và ông Lâm Thanh B vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng, khi vay có thế chấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và căn nhà trên đất (theo Giấy cố nhà ngày 28 tháng 12 năm 2010). Sau khi vay tiền bà đã nhiều lần yêu cầu bà T trả tiền nhưng bà T không trả. Nay bà yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp và buộc bà T, ông B trả cho bà số tiền vay nêu trên và tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Ngày 09 tháng 12 năm 2012 (âm lịch) bà có mua hai chưng hụi của bà T, bà có đưa cho bà T số tiền 33.500.000 đồng và thỏa thuận vốn và lãi là 54.000.000 đồng. Sau đó bà T đã trả được cho bà 10.000.000 đồng, nay bà yêu cầu bà T, ông B trả số tiền 44.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Trần Thị T trình bày: Bà thừa nhận ngày 28 tháng 12 năm 2010 (âm lịch) bà có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và căn nhà trên đất (theo Giấy cố nhà ngày 28 tháng 12 năm 2010 âm lịch) cho bà C để vay số tiền 150.000.000 đồng. Nay bà đồng ý trả 150.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi, vì không có khả năng. Trong số tiền 150.000.000 đồng chỉ có tiền gốc 70.000.000 đồng và phần lãi là 80.000.000 đồng. Nay bà đồng ý trả tổng cộng tiền vốn và lãi suất là 150.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi. Ngoài ra, trước khi viết giấy thế chấp thì bà đã đóng lãi cho bà C 10 phân trong 01 năm là 84.000.000 đồng. Đối với tiền hụi, vào ngày 09 tháng 12 năm 2012 (âm lịch) bà có nhận của bà C số tiền 33.500.000 đồng, đã trả được 10.000.000 đồng, nay bà chỉ đồng ý trả cho bà C số tiền 23.500.000 đồng.

Đối với bị đơn ông Lâm Thanh B: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông B không có mặt nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai.

Từ những nội dung trên, tại bản án số 13/2017/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Căn cứ Điều 92, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 356, 471, 476, 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim C.

2. Buộc bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Lê Kim C số tiền vay 150.000.000 đồng và lãi 131.625.000 đồng, tổng cộng: 281.625.000 đồng.

3. Hủy biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự thế chấp tài sản giữa bà Lê Kim C và bà Trần Thị T theo giấy cố nhà ngày 28 tháng 12 năm 2010 âm lịch.

4. Buộc bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Lê Kim C tiền hụi 33.500.000 đồng và lãi 10.500.000 đồng, tổng cộng 44.000.000 đồng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Trần Thị T phải chịu nộp án phí với số tiền 16.281.000 đồng.

- Các đương sự khác không phải chịu án phí. Bà Lê Kim C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.850.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000226 ngày 21 tháng 11 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên áp dụng lãi suất chậm trả, Luật Thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14 tháng 8 năm 2017 bị đơn bà Trần Thị T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung: Bà không đồng ý trả tiền lãi 131.625.000 đồng chỉ đồng ý trả 150.000.000 đồng. Về tiền hụi bà không đồng ý trả cho bà C tiền nợ hụi 33.500.000 đồng và lãi 10.500.000 đồng, chỉ đồng ý trả 23.500.000 đồng do bà đã trả cho bà C 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Trần Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị T, sửa một phần án sơ thẩm theo hướng tính lãi suất trên số tiền vay của bà T theo mức lãi suất của Ngân hàng Nhà nước công bố là 9%/năm, không chấp nhận kháng cáo của bà T về tiền hụi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa; qua ý kiến tranh luận của các đương sự; nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận đinh:

[2] Bà Lê Kim C xác định ngày 28 tháng 12 năm 2010 (âm lịch) bà có cho bà Trần Thị T vay số tiền 150.000.000 đồng, để đảm bảo cho số tiền vay trên thì bà T có làm Giấy cố nhà ngày 28 tháng 10 năm 2010 (âm lịch). Phía bà Trần Thị T cho rằng bà chỉ vay của bà C 70.000.000 đồng, cộng số tiền lãi suất 01 năm là 80.000.000 đồng nên bà mới viết Giấy cố nhà là 150.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà T không có tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền 80.000.000 đồng là tiền lãi và bà C cũng không thừa nhận. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai ngày 30 tháng 01 năm 2016 (Bút lục 33-34) bà T xác định bà thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và căn nhà của bà cho bà C với số tiền 150.000.000 đồng và chữ ký trong Giấy cố nhà ngày 28 tháng 12 năm 2010 (âm lịch) là của bà. Do đó, có căn cứ khẳng định bà T có vay của bà C số tiền 150.000.000 đồng.

[3] Tại Giấy cố nhà ngày 28 tháng 12 năm 2010 (âm lịch) thể hiện hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Tại khoản 2 Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và

có lãi thì bên vay phải trả lãi đến thời điểm trả nợ, do đó bà T phải trả lãi trên số tiền vay cho bà C theo quy định của pháp luật. Theo khoản 2 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ; tại Điều 1 Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 quy định về lãi suất cơ bản 9%/năm. Tại phiên tòa phúc thẩm bà C đồng ý giảm lãi cho bà T, chỉ yêu cầu bà T trả lãi với lãi suất là 9% năm. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của bà C và phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Như vậy, lãi suất trên số tiền vay được xác định là: 150.000.000 đồng x 9% x 06 năm 06 tháng = 87.750.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T phải chịu trả lãi suất cho bà C số tiền 131.625.000 đồng là chưa phù hợp. Do đó, cấp phúc thẩm cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo này của bà T, buộc bà T trả cho bà C số tiền vay là 237.750.000 đồng (trong đó tiền gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi là 87.750.000 đồng).

[4] Xét yêu cầu kháng cáo tiền hụi của bà T thấy rằng: Tại biên bản lấy lời khai ngày 30 tháng 12 năm 2017 bà T xác định bà C có mua của bà 02 chưng hụi 1.000.000 đồng do bà D làm chủ với số tiền gốc 33.500.000 đồng, bà và bà C thỏa thuận vốn lãi bà phải trả cho bà C là 54.000.000 đồng, bà có làm biên nhận hụi ngày 09 tháng 12 năm 2010 (âm lịch). Sau khi mua hụi bà đã trả cho bà C 10.000.000 đồng nhưng không nhớ trả thời gian nào và cũng không xác định trả tiền vốn hay tiền lãi. Lời trình bày của bà T phù hợp với lời trình bày của bà C. Căn cứ khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh. Tuy nhiên, do lãi suất thỏa thuận giữa các bên cao hơn lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước quy định là 9%/năm nên cấp phúc thẩm cần điều chỉnh lại, cụ thể số tiền lãi trên số tiền hụi là 33.500.000 đồng x 9% x 06 năm 06 tháng = 19.597.500 đồng. Đối với số tiền 10.000.000 đồng bà T trả cho bà C không thể xác định là tiền vốn hay lãi nên 10.000.000 đồng này sẽ được tính này vào số tiền lãi. Như vậy, sau khi đối trừ 10.000.000 đồng vào tiền lãi thì bà T còn phải có trách nhiệm trả cho bà C số tiền hụi là 33.500.000 đồng + (19.597.500 đồng - 10.000.000 đồng) = 43.097.500 đồng (trong đó tiền vốn là 33.500.000 đồng và lãi 9.597.500 đồng). Cấp phúc thẩm có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo này của bà T.

[5] Do sửa một phần bản án sơ thẩm về lãi suất nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà T phải chịu được tính lại, cụ thể là: 237.750.000 đồng + 43.097.500 đồng x 5% = 14.042.375 đồng.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị T, chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sửa một phần bản án sơ thẩm số 13/2017/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm do không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, đã có hiệu lực pháp luật.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm bà Trần Thị T không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 92, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 356, 471, 476, 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị T, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 13/2017/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim C đối với bà Trần Thị T.

2. Buộc bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Lê Kim C số tiền vay là 237.750.000 đồng (trong đó tiền vốn là 150.000.000 đồng và tiền lãi 87.750.000 đồng).

3. Buộc bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Lê Kim C tiền hụi là 43.097.500 (trong đó tiền vốn là 33.500.000 đồng và lãi 9.597.500 đồng).

4. Hủy biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự thế chấp tài sản giữa bà Lê Kim C và bà Trần Thị T theo Giấy cố nhà ngày 28 tháng 12 năm 2010 (âm lịch).

5. Về án phí:

5.1 Án phí dân sự sơ thẩm bà Trần Thị T phải chịu số tiền 14.042.375 đồng và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Bà Lê Kim C đã nộp tạm ứng án phí số tiền 4.850.000 đồng theo biên lai thu số 0001226 ngày 21 tháng 11 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại 4.850.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

5.2 Án phí dân sự phúc thẩm bà Trần Thị T không phải chịu, bà Trần Thị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008911 ngày 14 tháng 8 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa chịu trả các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thị xã G;
- CCTHADS thị xã G;
- Đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN VĂN HOÀNG

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lệ Kiều **Trương Thanh Dũng** **Nguyễn Văn Hoàng**